

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 591/2018/DS-ST

Ngày: 26/11/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T -THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Thái Hồ
2. Bà Hoàng Thị Thanh Mai

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng thế tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank).

Trụ sở: 266-268 đường N, Phường 8, Quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970.

Theo giấy ủy quyền số 1779/2018/UQ-TTT ngày 28/12/2017

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Hồ Đan T, sinh năm 1980

Địa chỉ: 295 đường L, phường S, quận T, Thành phố H.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (gọi tắt là ngân hàng) do ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (gọi tắt là Ngân hàng) có ký với bà Hồ Đan T Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/8/2010, ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Thực hiện hợp đồng, bà T đã giao dịch nhiều lần với tổng số tiền 208.856.361 đồng, bà T đã thanh toán 217.330.000 đồng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 26/02/2017 ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10/12/2017, bà T còn nợ số tiền gốc 27.282.035 đồng, lãi quá hạn 40.413.984 đồng, tổng cộng 67.696.019 đồng. Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng bà T không có thiện chí thanh toán như thỏa thuận.

Do đó, tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán số nợ còn lại theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng trên tính đến ngày 18/7/2018 thì bà T còn nợ số tiền tổng cộng là 74.324.147 (*Bảy mươi bốn triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi bảy*) đồng; trong đó nợ gốc 27.282.035 (*Hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi hai ngàn không trăm lẻ ba mươi lăm*) đồng; lãi quá hạn 47.042.112 (*Bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai ngàn một trăm mười hai*) đồng; tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc và thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn bà Hồ Đan T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn do ông Lã Ngọc M đại diện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là bà T nhưng bà T vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là đã tự nguyện từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Ông M có đơn xin vắng mặt là phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nhận thấy tại Hợp đồng thể hiện bà Hồ Đan T ký với Ngân hàng là tự nguyện, không trái với quy định pháp luật, quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã không thanh toán đầy đủ số tiền gốc là lãi theo như thỏa thuận, vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền 74.324.147 (*Bảy mươi bốn triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi bảy*) đồng; trong đó nợ gốc 27.282.035 (*Hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi hai ngàn không trăm lẻ ba mươi lăm*) đồng; lãi quá hạn 47.042.112 (*Bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai ngàn một trăm mười hai*) đồng là có cơ sở.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để giải quyết nhưng vắng mặt không lý do và không cung cấp chứng cứ cho Tòa án, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà Hồ Đan T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền tổng cộng là 74.324.147 (*Bảy mươi bốn triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi bảy*) đồng theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/8/2010, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Căn cứ Phiếu xác minh ngày 02/7/2018, cơ quan công an phường S, quận T, thành phố H xác minh: Đương sự Hồ Đan T có hộ khẩu thường trú tại 295 đường L, phường S, quận T, Thành phố H; bà T đã bán nhà chuyên đi đâu không rõ, không thực tế cư trú tại địa phương. Ngân hàng khởi kiện bà T có nơi cư trú cuối cùng tại quận T, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán số nợ còn lại theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng trên tính đến ngày 12/12/2017 là 74.324.147 (*Bảy mươi bốn triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi bảy*) đồng; trong đó nợ gốc 27.282.035 (*Hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi hai ngàn không trăm lẻ ba mươi lăm*) đồng; lãi quá hạn 47.042.112 (*Bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai ngàn một trăm mười hai*) đồng và thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét, Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/8/2010 bà T ký với Ngân hàng thì sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 386 và Điều 388 Bộ luật dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng thẻ tín dụng trên, bà T là bên vi phạm hợp đồng không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán số tiền tổng cộng là 74.324.147 (*Bảy mươi bốn triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi bảy*) đồng; thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, đúng pháp luật phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng và tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Kể từ ngày 19/7/2018 bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp

đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/8/2010, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên bà Hồ Đan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $74.324.147 \times 5\% = 3.716.207$ (Ba triệu bảy trăm mười sáu ngàn hai trăm lẻ bảy) đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.692.400 (Một triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm) đồng cho ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179, khoản 3 Điều 228, Điều 271 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2005;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

- Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank).

Buộc bà Hồ Đan T thanh toán nợ theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/8/2010 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank), số tiền 74.324.147 (Bảy mươi bốn triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi bảy) đồng; trong đó nợ gốc 27.282.035 (Hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi hai ngàn không trăm lẻ ba mươi lăm) đồng; lãi quá hạn 47.042.112 (Bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai ngàn một trăm mười hai) đồng.

Kể từ ngày 19/7/2018 bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/8/2010, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của ngân hàng cho vay.

2. Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Đan T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.716.207 (*Ba triệu bảy trăm mười sáu ngàn hai trăm lẻ bảy*) đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 1.692.400 (*Một triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm*) đồng theo Biên lai thu số 0010530 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank), bị đơn bà Hồ Đan T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T, TP. H;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T, TP. H;
- Lưu VP, hồ sơ (Tiền).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hòa